ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15265 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Sửa chữa đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng; Công văn số 9947/BXD-VPB của Bộ Xây dựng ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 6378/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục và phân bổ kinh phí cho từng công trình, dự án từ nguồn kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP đã giao trong dự toán chi NSNN năm 2026 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11679/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ văn bản số 2372/UBND-KTTC ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương thực hiện lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình bức xúc phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025;

Căn cứ văn bản số 16245/SNNMT-QLXDCT ngày 29/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình Sửa chữa đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16335/TTr-SNNMT ngày 30/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C, Công trình Nông nghiệp và Môi trường; Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế: 15 năm theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 54/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Mã định danh (nếu có): Chưa thể tạo lập theo quy định.

4. Địa điểm xây dựng dự án: xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh;

- Vị trí xây dựng công trình: Sửa chữa đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng), thuộc địa phận xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế: Công trình Đê bao ven sông Cần Đước (đê sông Vàm Cỏ đến cầu Bà Léng) điểm bắt đầu từ sông Vàm Cỏ, kết thúc tại cầu Bà Léng, với chiều dài 4.895m thuộc địa phận xã Cần Đước, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích sử dụng đất của dự án:

+ Diện tích mất đất vĩnh viễn (vận động giải phóng mặt bằng, không đền bù): 9.790 m^2.

+ Diện tích mất đất tạm thời: 0 m^2.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có):

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công:

+ Tên nhà thầu: Công ty TNHH xây dựng Phúc An Tiên Phong.

+ Mã số doanh nghiệp: 1101941862.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng:

+ Tên nhà thầu: Công ty TNHH xây dựng Phúc An Tiên Phong.

+ Mã số doanh nghiệp: 1101941862.

8. Mục tiêu dự án:

- Hoàn thiện hệ thống thuỷ lợi, giao thông nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn phát triển nông thôn mới phù hợp với định hướng, quy hoạch nông thôn tại địa phương.

- Nâng cấp kết cấu hạ tầng, kết hợp đường giao thông nông thôn dọc kênh với quy mô đường liên ấp, xã.

- Cải thiện cảnh quan môi trường xung quanh khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

- Chiều dài tuyến: L= 4.895m.

- Cao trình đỉnh đê: Z đỉnh ≥ +2,58m (sử dụng đất mua để đắp).

- Cao trình đê: Zđê ≥ +2,50m (sử dụng đất mua để đắp) (Z hiện trạng là +2,20m đến 2,40m).

- Chiều rộng nền đê: B nền = 5,00m (B nền hiện trạng là 4m).

- Trải đá cấp phối 0*4 rộng 4,0m; dày 15cm (K ≥ 0,95).

- Mái taluy: m=1,50.

- Trên tuyến đê:

+ Bình quân 500m bố trí 1 bãi tránh xe, mỗi bãi tránh xe bố trí 19 cọc tiêu.

+ Bố trí biển báo.

- Các vị trí xung yếu trên tuyến đê đóng gia cố cừ tràm L= 4,00m để đảm bảo ổn định chống sạt trượt.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Giá trị tổng mức đầu tư: **11.251.042.000 đồng** *(Mười một tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	8.951.575.000
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (chỉnh lý biến động đất đai)	51.640.000
- Chi phí quản lý dự án	270.454.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	789.806.000
- Chi phí khác	114.207.000
- Chi phí dự phòng	1.073.360.000

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 – 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Sử dụng kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (vốn cấp bù thủy lợi phí) và kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (Kinh phí theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Giao Ủy ban nhân dân xã Cần Đước chịu trách nhiệm vận động nhân dân đóng góp phần đất, hỗ trợ hoa màu trong phạm vi xây dựng công trình và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi tiến hành giao đấu thầu thi công.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Nông nghiệp và Môi trường) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này.

Tổng mức đầu tư được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện dự án.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định, đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cần Đước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm